

DỰ THẢO BÁO CÁO TÀI CHÍNH

LẦN 3

**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH DƯỢC & TRANG THIẾT BỊ Y TẾ
VIỆT MỸ**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

Bình Phước, tháng 04 năm 2008

MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 – 3
BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN	4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	5 – 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8
Thuyết minh Báo cáo tài chính	9 - 21

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần SXKD Dược & Trang thiết bị Y tế Việt Mỹ trình bày Báo cáo của Ban Giám đốc cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2007.

Công ty

Công ty Cổ phần SXKD Dược & Trang thiết bị Y tế Việt Mỹ (gọi tắt là "Công ty") được thành lập năm 2002 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 44.03.000012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Phước cấp ngày 26/8/2002. Công ty được thành lập bởi 3 cổ đông sáng lập là Công ty TNHH SX-TM TTB Y tế Mặt Trời (The Sun Co.), Công ty Dược vật tư y tế Bình Phước (nay là Công ty Cổ phần Dược Vật tư y tế Dopharco) và Công ty Xuất nhập khẩu Tổng hợp Sài Gòn (Incommex Saigon) với số vốn điều lệ ban đầu là 15 tỷ đồng.

Tên tiếng Anh của Công ty: American Vietnamese Biotech Inc.

Tên viết tắt: AMVIBIOTECH INC.

Trụ sở chính: Ấp 2, xã Tiên Thành, thị xã Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ sáu ngày 04/12/2007 thì vốn điều lệ của Công ty là 21.000.000.000 đồng (Hai mươi một tỷ đồng).

Ngành nghề kinh doanh: Kinh doanh dược phẩm, mua bán trang thiết bị y tế, dụng cụ và hóa chất xét nghiệm y tế; Sản xuất dụng cụ xét nghiệm y tế; Sản xuất, kinh doanh Vacxin, sinh phẩm y tế; Đại lý ký gửi hàng hóa; Kinh doanh địa ốc; Đầu tư tài chính; Chuyển giao công nghệ. (Công ty không được sản xuất, kinh doanh các hóa chất có tính độc hại mạnh)/.

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc

Hội đồng Quản trị

Ông Bach Mong Ha	Chủ tịch
Bà Lê Thị Thu Hà	Thành viên
Bà Hoàng Oanh	Thành viên
Ông Trương Văn Tích	Thành viên
Ông Nguyễn Kim Lan	Thành viên

Ban Giám đốc

Các thành viên Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong suốt năm 2007 và đến ngày lập Báo cáo này bao gồm:

Ông Bach Mong Ha	Giám đốc
Ông Huỳnh Văn Giàu	Phó Giám đốc

Tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và phân phối lợi nhuận

Tình hình tài chính ngày tại 31 tháng 12 năm 2007 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính từ trang số **05 đến trang số 21 kèm theo.**

Công ty đã thực hiện tạm chia cổ tức năm 2007 trước thời điểm tăng vốn điều lệ, việc tạm chia cổ tức đã được thông qua bởi Đại hội các cổ đông cũ. Lợi nhuận còn lại sau thuế đến thời điểm 31/12/2007 sẽ được phân phối theo **Quyết định của Đại hội Cổ đông.**

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Các sự kiện sau ngày kết thúc năm tài chính

Công ty đang hoàn thiện hồ sơ để đăng ký niêm yết cổ phiếu tại sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội trong năm 2008.

Kiểm toán viên

Công ty Hợp danh Kiểm toán Việt Nam (CPA VIETNAM) đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2007.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đã được thuyết minh trong Báo cáo tài chính hay chưa;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở giả định hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu.

Ban Giám đốc Công ty xác nhận đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,

Bach Mong Ha
Giám đốc

Bình Phước, ngày 20 tháng 4 năm 2008

SỐ: /2008/CPAVN/BCKT-BCTC

BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Kính gửi: **Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và các Cổ đông
Công ty Cổ phần SXKD Dược & Trang thiết bị Y tế Việt Mỹ**

Chúng tôi đã kiểm toán Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2007 cùng với Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ và các Thuyết minh Báo cáo tài chính chủ yếu của Công ty Cổ phần SXKD Dược & Trang thiết bị Y tế Việt Mỹ (“Công ty”) cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Giám đốc tại trang 2 và 3, việc lập và trình bày Báo cáo tài chính thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính này căn cứ vào kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán tuân theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng có liên quan đến các số liệu và thông tin trình bày trên Báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá tổng quát việc trình bày các thông tin trên Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2007 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Nguyễn Anh Tuấn
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 0779/KTV

Đình Văn Thắng
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 1147/KTV

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY HỢP DANH KIỂM TOÁN VIỆT NAM – CPA VIETNAM

Hà Nội, ngày 20 tháng 4 năm 2008

Mẫu B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2007

(Đơn vị tính: VND)

MS	TÀI SẢN	TM	31/12/2007	31/12/2006
100	TÀI SẢN NGẮN HẠN		11.403.823.863	3.893.696.100
110	Tiền và các khoản tương đương tiền		5.899.101.950	1.069.454.255
111	Tiền	5	5.899.101.950	1.069.454.255
112	Các khoản tương đương tiền		-	-
120	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		-	-
121	Đầu tư ngắn hạn		-	-
129	Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		-	-
130	Các khoản phải thu ngắn hạn		2.700.811.722	913.640.352
131	Phải thu khách hàng	6	740.410.116	43.707.600
132	Trả trước cho người bán	7	1.960.401.606	394.544.615
135	Các khoản phải thu khác		-	475.388.137
140	Hàng tồn kho	8	2.740.546.321	1.867.841.571
141	Hàng tồn kho		2.740.546.321	1.867.841.571
149	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		-	-
150	Tài sản ngắn hạn khác		63.363.870	42.759.922
151	Chi phí trả trước ngắn hạn	9	30.000.000	-
152	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		733.870	42.759.922
158	Tài sản ngắn hạn khác	10	32.630.000	-
200	TÀI SẢN DÀI HẠN		10.638.390.028	11.261.507.661
210	Các khoản phải thu dài hạn		-	-
220	Tài sản cố định		10.497.499.534	10.990.650.458
221	Tài sản cố định hữu hình	11	2.659.235.550	1.102.461.908
222	Nguyên giá		3.739.371.224	1.656.469.146
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(1.080.135.674)	(554.007.238)
227	Tài sản cố định vô hình	12	7.838.263.984	8.305.655.488
228	Nguyên giá		9.707.830.000	9.707.830.000
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(1.869.566.016)	(1.402.174.512)
230	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		-	1.582.533.062
250	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		-	-
260	Tài sản dài hạn khác		140.890.494	270.857.203
261	Chi phí trả trước dài hạn	13	140.890.494	270.857.203
270	TỔNG TÀI SẢN		22.042.213.891	15.155.203.761

Mẫu B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2007

(Đơn vị tính: VND)

MS	NGUỒN VỐN	TM	31/12/2007	31/12/2006
300	NỢ PHẢI TRẢ		259.349.872	57.306.195
310	Nợ ngắn hạn		255.590.873	57.306.195
311	Vay và nợ ngắn hạn		-	-
312	Phải trả người bán	14	70.784.448	20.220.145
313	Người mua trả tiền trước	15	1.020.000	37.086.050
314	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	144.792.559	-
319	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	17	38.993.866	-
320	Dự phòng phải trả ngắn hạn		-	-
330	Nợ dài hạn		3.758.999	-
336	Dự phòng trợ cấp mất việc làm		3.758.999	-
337	Dự phòng phải trả dài hạn		-	-
400	VỐN CHỦ SỞ HỮU		21.782.864.019	15.097.897.566
410	Vốn chủ sở hữu	18	21.817.338.019	15.097.897.566
411	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		21.000.000.000	15.090.000.000
420	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		817.338.019	7.897.566
421	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản		-	-
430	Nguồn kinh phí và quỹ khác		(34.474.000)	-
431	Quỹ khen thưởng, phúc lợi		(34.474.000)	-
430	TỔNG NGUỒN VỐN		22.042.213.891	15.155.203.761

Bach Mong Ha

Giám đốc

Bình Phước, ngày 20 tháng 4 năm 2008

Phạm Việt Tấn

Kế toán trưởng

Mẫu B 02 - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

(Đơn vị tính: VND)

MS	CHỈ TIÊU	TM	Năm 2007	Năm 2006
01	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	19	5.512.281.815	4.341.030.068
02	Các khoản giảm trừ doanh thu	19	-	-
10	Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	19	<u>5.512.281.815</u>	<u>4.341.030.068</u>
11	Giá vốn hàng bán	20	3.324.319.338	2.634.440.700
20	Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ		<u>2.187.962.477</u>	<u>1.706.589.368</u>
21	Doanh thu hoạt động tài chính	21	93.283.400	4.536.289
22	Chi phí tài chính	21	-	-
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		-	-
24	Chi phí bán hàng	22	119.369.483	138.264.893
25	Chi phí quản lý doanh nghiệp	23	893.944.972	918.463.972
30	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		<u>1.267.931.422</u>	<u>654.396.792</u>
31	Thu nhập khác		-	-
32	Chi phí khác		-	-
40	Lợi nhuận khác		-	-
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		<u>1.267.931.422</u>	<u>654.396.792</u>
51	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	24	158.491.428	-
52	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>1.109.439.994</u>	<u>654.396.792</u>
70	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	25	568	434

Bach Mong Ha

Giám đốc

Bình Phước, ngày 20 tháng 4 năm 2008

Phạm Việt Tấn

Kế toán trưởng

MẪU B 03 - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ*(Theo phương pháp trực tiếp)*

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

(Đơn vị tính: VND)

MS	CHỈ TIÊU	Năm 2007	Năm 2006
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
01	Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ & doanh thu khác	5.518.401.866	4.584.939.221
02	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa & dịch vụ	(4.744.332.372)	(2.922.740.554)
03	Tiền chi trả cho người lao động	(937.718.258)	(717.612.931)
05	Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	(16.698.869)	-
06	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	46.409.228	73.486.289
07	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	(239.697.758)	(387.201.075)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	(373.636.163)	630.870.950
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	(500.000.000)	-
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	93.283.400	-
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(406.716.600)	-
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
31	hữu	5.910.000.000	-
33	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	-	710.110.000
34	Tiền chi trả nợ gốc vay	-	(710.110.000)
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	(299.999.542)	-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	5.610.000.458	-
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	4.829.647.695	630.870.950
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	1.069.454.255	438.583.305
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	-	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	5.899.101.950	1.069.454.255

Bach Mong Ha

Giám đốc

Bình Phước, ngày 20 tháng 4 năm 2008

Phạm Việt Tấn

Kế toán trưởng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B 09 - DN

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần SXKD Dược & Trang thiết bị Y tế Việt Mỹ (gọi tắt là "Công ty") được thành lập năm 2002 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 44.03.000012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Phước cấp ngày 26/8/2002. Công ty được thành lập bởi 3 cổ đông sáng lập là Công ty TNHH SX-TM TTB Y tế Mặt Trời (The Sun Co.), Công ty Dược vật tư y tế Bình Phước (nay là Công ty Cổ phần Dược Vật tư y tế Dopharco) và Công ty Xuất nhập khẩu Tổng hợp Sài Gòn (Incommex Saigon) với số vốn điều lệ ban đầu là 15 tỷ đồng.

Tổng số vốn điều lệ theo Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ sáu ngày 04/12/2007 là 21.000.000.000 đồng. Các cổ đông sáng lập theo Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ sáu bao gồm:

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ trụ sở chính hoặc hộ khẩu thường trú	Số cổ phần
1.	The Sun Co., Ltd Đại diện: Ông Bach Mong Ha	449 Võ Văn Tần, phường 5, quận 3, Tp. Hồ Chí Minh 2702 N Berkley St, Orange CA, 92865-USA Đường Hùng Vương, thị xã Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.	567.530 180.000
2.	Công ty CP Dược Vật tư Y tế Dopharco Đại diện: Ông Nguyễn Đức Chuyển	Số 271 DT 743 phường Phú Lợi, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương. Số 27 Cao Thắng, phường 2, quận 3, TP Hồ Chí Minh.	210.000
3.	Công ty Incomex Sài Gòn Đại diện: Ông Nguyễn Kim Lan	Số 552/24 Xô Viết Nghệ Tĩnh, phường 25, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh.	110.000
4.	Bà Hoàng Oanh	Số 2 đường 2, Phước Bình, quận 9, TP. Hồ Chí Minh	15.000
5.	Ông Nguyễn Tiến Hưng	39, đường số 02, Bình Thới, phường 8, quận 11, TP. Hồ Chí Minh	53.000
6.	Bà Lê Thị Thu Hà	Số 222 C Đội Cấn, quận Ba Đình, TP. Hà Nội	

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động kinh doanh chính

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 44.03.000012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Phước cấp ngày 26/8/2002 và các Đăng ký thay đổi lần 1,2,3,4,5 và lần 6, ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

Ngành nghề kinh doanh: Kinh doanh dược phẩm, mua bán trang thiết bị y tế, dụng cụ và hóa chất xét nghiệm y tế; Sản xuất dụng cụ xét nghiệm y tế; Sản xuất, kinh doanh Vacxin, sinh phẩm y tế; Đại lý ký gửi hàng hóa; Kinh doanh địa ốc; Đầu tư tài chính; Chuyển giao công nghệ. (Công ty không được sản xuất, kinh doanh các hóa chất có tính độc hại mạnh)/.

Trong năm 2007, hoạt động kinh doanh chính của Công ty là sản xuất các loại dụng cụ xét nghiệm y tế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch hàng năm.

3. ÁP DỤNG CÁC CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam có liên quan và Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi không kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn khác có khả năng thanh khoản cao có thời hạn đáo hạn ban đầu không quá ba tháng hoặc ít hơn.

Các khoản phải thu và dự phòng phải thu khó đòi

Các khoản phải thu của khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá trị ghi nhận ban đầu trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn từ 3 tháng đến 3 năm so với thời hạn thanh toán ghi trên hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, các cam kết nợ hoặc được trích lập cho các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản, hay các khó khăn tương tự.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Hàng tồn kho được kế toán theo phương pháp kê khai thường xuyên, giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Tài sản cố định hữu hình và hao mòn

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao như sau:

Nhóm tài sản**Thời gian khấu hao (Năm)**

Nhà xưởng, vật kiến trúc	10
Máy móc, thiết bị	05 - 10
Phương tiện vận tải	05 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất tại thị xã Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước và giá trị công nghệ sản xuất dược phẩm (đây là các giá trị góp vốn của Công ty Dược Dopharco và Công ty TNHH Trang thiết bị y tế Mặt trời). Giá trị quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 50 năm. Giá trị công nghệ được khấu hao trong thời gian 20 năm.

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm khoản chi phí kiểm định cho sản phẩm mới, chi phí sửa chữa và những chi phí công cụ dụng cụ xuất dùng phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty

Các khoản phải trả

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác không chịu lãi và được phản ánh theo giá trị ghi nhận ban đầu.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.

Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các tài khoản này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Theo giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 02/GCNUĐ ĐT-UB do Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Phước cấp ngày 03/1/2003 thì Công ty sẽ được ưu đãi với mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 25%, miễn thuế 02 năm và giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho 04 năm tiếp theo kể từ khi có thu nhập chịu thuế. Năm 2007 là năm đầu tiên mà Công ty được hưởng ưu đãi giảm 50% thuế TNDN phải nộp.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2007 (VND)	31/12/2006 (VND)
Tiền mặt	1.631.698.358	776.352.994
Tiền gửi Ngân hàng	978.560.495	293.101.261
- Ngân hàng Đầu tư & PT Việt Nam - Sở GD II	243.952.475	252.873.353
- Ngân hàng Đầu tư & PT Việt Nam - Sở GD II (TK Cổ phiếu)	697.675.799	-
- Ngân hàng TMCP XNK - TP Hồ Chí Minh	12.874.789	12.375.283
- Ngân hàng Đầu tư & PT Bình Phước	8.475.071	27.852.625
- Ngân hàng TMCP Đông Á- PGD Bình Phước	15.582.361	-
Các khoản tương đương tiền	3.288.843.097	-
Tổng	5.899.101.950	1.069.454.255

Khoản tương đương tiền là tiền gửi tiết kiệm tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Sở GD II có kỳ hạn 3 tháng được Công ty chuyển từ TK tiền gửi cổ phiếu sang.

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	31/12/2007 (VND)	31/12/2006 (VND)
Công ty TNHH Dược phẩm Hồng Lan	317.457.000	-
Bệnh viện đa khoa Nhật Tân	5.677.875	-
Bệnh viện Đa khoa Tư Nhân Triều An	924.000	-
Bệnh viên Đa khoa Tỉnh Bắc Giang	149.934.741	43.707.600
Bệnh Viện Đa Khoa Sơn Động	23.205.000	-
DKT INTERNATIONAL, VIETNAM	99.151.500	-
Bệnh Viện Đa Khoa Trung ương	126.000.000	-
Bệnh Viện Đa khoa Huyện Lục Ngạn	18.060.000	-
Tổng	740.410.116	43.707.600

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	31/12/2007 (VND)	31/12/2006 (VND)
CÔNG ty TNHH Trang thiết bị Y Tế Mặt Trời	1.960.401.606	394.544.615
Tổng	1.960.401.606	394.544.615

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

8. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2007	31/12/2006
	(VND)	(VND)
Nguyên liệu, vật liệu	251.798.936	178.194.919
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	923.823.330	475.191.587
Thành phẩm	1.564.924.055	1.023.109.340
Hàng hoá	-	191.345.725
Tổng	<u>2.740.546.321</u>	<u>1.867.841.571</u>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá trị thuần của hàng tồn kho	<u>2.740.546.321</u>	<u>1.867.841.571</u>

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN

Chi phí trả trước ngắn hạn là khoản tiền mà Công ty ứng 30% giá trị hợp đồng tư vấn niêm yết cho Công ty TNHH Chứng khoán ACBS. Dịch vụ tư vấn chưa hoàn thành và Công ty chưa thực hiện phân bổ số chi phí trên trong năm 2007.

10. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

Tài sản ngắn hạn khác là tiền tạm ứng của các CBCNV trong Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

(Đơn vị tính: VND)

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
NGUYÊN GIÁ					
Số dư tại 01/01/2007		1.168.382.041	449.917.105	38.170.000	1.656.469.146
Tăng trong năm	1.582.533.062	352.462.350	132.860.952	15.045.714	2.082.902.078
Mua trong năm		352.462.350	132.860.952	15.045.714	500.369.016
Đầu tư XD/CB hoàn thành	1.582.533.062	-	-	-	1.582.533.062
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2007	1.582.533.062	1.520.844.391	582.778.057	53.215.714	3.739.371.224
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư tại 01/01/2007		392.179.036	132.906.180	28.922.022	554.007.238
Tăng trong năm	158.253.312	242.544.052	111.281.548	14.049.524	526.128.436
Khấu hao trong năm	158.253.312	242.544.052	111.281.548	14.049.524	526.128.436
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2007	158.253.312	634.723.088	244.187.728	42.971.546	1.080.135.674
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại 01/01/2007	-	776.203.005	317.010.925	9.247.978	1.102.461.908
Tại 31/12/2007	1.424.279.750	886.121.303	338.590.329	10.244.168	2.659.235.550

Do nhu cầu đổi mới trang thiết bị nên trong năm 2007, Công ty tiến hành khấu hao nhanh TSCĐ, mức khấu hao các tài sản nhanh gấp hai lần so với năm 2006.

Tổng nguyên giá của những tài sản đã hết khấu hao nhưng vẫn sử dụng là: 72.478.181 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

(Đơn vị tính: VND)

	Quyền sử dụng đất	Bản quyền, bằng sáng chế	Cộng
NGUYÊN GIÁ			
Số dư tại 01/01/2007	600.000.000	9.107.830.000	9.707.830.000
Tăng trong năm	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-
Số dư tại 31/12/2007	600.000.000	9.107.830.000	9.707.830.000
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư tại 01/01/2007	36.000.000	1.366.174.512	1.402.174.512
Tăng trong năm	12.000.000	455.391.504	467.391.504
Khấu hao trong năm	12.000.000	455.391.504	467.391.504
Giảm trong năm	-	-	-
Số dư tại 31/12/2007	48.000.000	1.821.566.016	1.869.566.016
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại 01/01/2007	564.000.000	7.741.655.488	8.305.655.488
Tại 31/12/2007	552.000.000	7.286.263.984	7.838.263.984

Nguyên giá TSCĐ vô hình là Quyền sử dụng lô đất thể hiện giá trị lô đất 2.222 m² tại xã Tiến Thành, thị xã Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước trong đó có 300m² đất thổ cư được sử dụng lâu dài và 1,922m² đất thuê trả tiền hàng năm.

Nguyên giá Bản quyền, Bằng sáng chế là Giá trị của Công nghệ sản xuất những sản phẩm test xét nghiệm nhanh được Công ty TNHH Trang thiết bị y tế Mặt Trời chuyên giao lại cho Công ty như một phần vốn góp. Công nghệ này được Công ty TNHH Trang thiết bị y tế Mặt Trời nhận chuyên giao từ Công ty Cali Biotech Inc trong năm 2006. TSCĐ vô hình này được Công ty tiến hành khấu hao trong 20 năm.

13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2007 (VND)	31/12/2006 (VND)
Phí kiểm định năm 2004	-	944.450
Phí kiểm định năm 2005	23.395.546	42.750.000
Thép làm khuôn	-	3.571.500
Dàn máy vi tính	16.746.025	83.730.153
Sửa chữa bếp ăn	38.194.423	79.861.100
Khác	30.000.000	60.000.000
Đồng phục	12.754.500	-
Phí đăng ký SP lưu hành	19.800.000	-
Tổng	140.890.494	270.857.203

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/12/2007	31/12/2006
	(VND)	(VND)
Công ty TNHH SX TM Bao Bì Linh Nam	-	20.220.145
Công Ty Bao Bì Sài Gòn	58.528.325	-
Công ty Cổ Phần Tin Học Hưng Phát	4.143.332	-
Khách Sạn Oscar	8.112.791	-
Tổng	70.784.448	20.220.145

15. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	31/12/2007	31/12/2006
	(VND)	(VND)
Cty CP Thương Mại Thiên Vũ	-	36.066.050
Trần Đình Khánh	1.020.000	1.020.000
Tổng	1.020.000	37.086.050

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2007	31/12/2006
	(VND)	(VND)
Thuế thu nhập doanh nghiệp	141.792.559	-
Thuế khác	3.000.000	-
Tổng	144.792.559	-

17. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2007	31/12/2006
	(VND)	(VND)
Bảo hiểm xã hội	5.360.212	-
Bảo hiểm y tế	3.633.654	-
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	30.000.000	-
Tổng	38.993.866	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	<u>31/12/2007</u>	<u>31/12/2006</u>
	(VND)	(VND)
Công ty TNHH SX-TM Trang thiết bị Y tế Mặt Trời	5.675.300.000	10.140.000.000
Công ty CP Dược vật tư y tế Dopharaco	1.800.000.000	1.800.000.000
Công ty Incomex Sài Gòn	2.100.000.000	2.100.000.000
Hoàng Oanh	1.100.000.000	795.000.000
Nguyễn Tiến Hưng	150.000.000	150.000.000
Lê Thị Thu Hà	530.000.000	105.000.000
Các cổ đông khác	9.644.700.000	-
Tổng	<u>21.000.000.000</u>	<u>15.090.000.000</u>

Số cổ phiếu phổ thông lưu hành là 2.100.000 cổ phiếu. Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng/cổ phiếu

Biến động vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	<u>Vốn đầu tư của</u>	<u>Lợi nhuận chưa</u>	<u>Cộng</u>
	<u>chủ sở hữu</u>	<u>phân phối</u>	
Tại ngày 01/01/2006	15.090.000.000	(605.015.782)	14.484.984.218
Lợi nhuận sau thuế	-	654.396.792	654.396.792
Giảm khác	-	(41.483.444)	(41.483.444)
Tại ngày 31/12/2006	15.090.000.000	7.897.566	15.097.897.566
Tại ngày 01/01/2007	15.090.000.000	7.897.566	15.097.897.566
Tăng vốn	5.910.000.000	-	5.910.000.000
Lãi sau thuế	-	1.109.439.994	-
Chia cổ tức	-	(299.999.541)	(299.999.541)
Tại ngày 31/12/2007	<u>21.000.000.000</u>	<u>817.338.019</u>	<u>21.817.338.019</u>

19. DOANH THU

	<u>Năm 2007</u>	<u>Năm 2006</u>
Doanh thu bán hàng hóa	353.072.229	4.714.286
Doanh thu bán thành phẩm	5.159.209.586	4.336.315.782
Tổng	<u>5.512.281.815</u>	<u>4.341.030.068</u>
Các khoản giảm trừ	-	-
Doanh thu thuần	<u>5.512.281.815</u>	<u>4.341.030.068</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

20. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2007 (VND)	Năm 2006 (VND)
Giá vốn hàng hóa	342.005.959	4.667.143
Giá vốn bán thành phẩm	2.982.313.379	2.629.773.557
Tổng	3.324.319.338	2.634.440.700

21. DOANH THU/CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2007 (VND)	Năm 2006 (VND)
Doanh thu hoạt động tài chính		
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	93.283.400	4.536.289
Tổng	93.283.400	4.536.289
Chi phí tài chính		
Chi phí lãi vay	-	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá	-	-
Tổng	-	-
Thu nhập tài chính - thuần	93.283.400	4.536.289

22. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2007 (VND)
Chi phí nhân viên	68.693.119
Chi phí dịch vụ mua ngoài	42.703.637
Chi phí bằng tiền khác	7.972.727
Tổng	119.369.483

23. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2007 (VND)
Chi phí nhân viên quản lý	350.184.931
Chi phí vật liệu quản lý, đồ dùng văn phòng	25.328.160
Chi phí khấu hao TSCĐ	3.177.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	461.384.892
Chi phí bằng tiền khác	53.869.989
Tổng	893.944.972

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

24. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP HIỆN HÀNH

	Năm 2007 (VND)	Năm 2006 (VND)
Lợi nhuận kế toán trước thuế	1.267.931.422	654.396.792
Thuế suất áp dụng	25%	25%
Chi phí thuế TNDN năm hiện hành	316.982.856	163.599.198
Thuế TNDN được miễn, giảm	158.491.428	163.599.198
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	158.491.428	-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các	-	-
Tổng chi phí thuế TNDN hoãn lại	-	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	158.491.428	-

Theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 02/GCNUĐĐT-UB của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Phước cấp ngày 03/01/2003 thì Công ty được hưởng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp 25%, được miễn 02 năm và giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho 04 năm tiếp theo kể từ khi có thu nhập chịu thuế.

25. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2007 (VND)	Năm 2006 (VND)
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	1.109.439.994	654.396.792
Các khoản điều chỉnh	-	-
<i>Điều chỉnh cổ tức của cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	1.109.439.994	654.396.792
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	1.952.818	1.509.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	568	434

NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch với các bên liên quan như sau:

Giao dịch mua, bán

	Năm 2007 (VND)	Năm 2006 (VND)
Các giao dịch bán		
Công ty Dược Vật tư y tế Doparco	14.420.175	-
Các giao dịch mua		
Cty TNHH TTB Y Tế Mặt Trời	2.541.978.255	-
	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

Số dư với các bên liên quan

	31/12/2007	31/12/2006
	(VND)	(VND)
Các khoản phải thu		
Công ty TNHH TTB Y Tế Mặt Trời	1.960.401.606	394.544.615

26. SỐ LIỆU SO SÁNH

Báo cáo kiểm toán năm 2005 và 2006 được kiểm toán bởi Công ty TNHH kiểm toán và Dịch vụ tin học, một số số liệu được điều chỉnh lại so để phù hợp với việc trình bày số liệu của năm nay.

27. MỘT SỐ CHỈ TIÊU PHÂN TÍCH TÀI CHÍNH

Chỉ tiêu	Năm 2007	Năm 2006
1. Bộ trí cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn		
1.1 Bộ trí cơ cấu tài sản		
Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	48,26	74,31
Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	51,74	25,69
1.2 Bộ trí cơ cấu nguồn vốn		
Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	1,18	0,38
Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	98,98	99,62
2. Khả năng thanh toán		
2.1 Khả năng thanh toán hiện hành	86,24	264,46
2.2 Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	44,62	67,95
2.3 Khả năng thanh toán nhanh	23,08	18,66
2.4 Khả năng thanh toán nợ dài hạn	0,00	0,00
3. Tỷ suất sinh lời		
3.1 Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu		
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu	23,00	15,07
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu	20,13	15,07
3.2 Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản		
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản	5,75	4,32
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản	5,03	4,32
3.3 Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	5,09	4,33

Bach Mong Ha**Giám đốc***Bình Phước, ngày 20 tháng 4 năm 2008***Phạm Việt Tấn****Kế toán trưởng**